

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1246/QĐ-ĐHKTQD ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng)

NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR)	<b>KINH TẾ PHÁT TRIỂN</b> (DEVELOPMENT ECONOMICS)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):	<b>7310150</b>
ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO VÀ CẤP BẰNG:	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
TÊN VĂN BẰNG	CỬ NHÂN KINH TẾ PHÁT TRIỂN (BACHELOR OF DEVELOPMENT ECONOMICS)
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME)
THỜI GIAN ĐÀO TẠO (DURATION TIME)	4 NĂM (4 YEARS)
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO (LANGUAGE)	TIẾNG VIỆT (VIETNAMESE)

### 1. MỤC TIÊU

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Kinh tế phát triển nhằm đào tạo cử nhân Kinh tế phát triển có kiến thức rộng, đồng bộ, hệ thống về lĩnh vực phát triển; bao gồm: (i) nội hàm của sự phát triển và phát triển bền vững; (ii) xu hướng phát triển nền kinh tế; (iii) các yếu tố chi phối, vận động chủ yếu trong các nền kinh tế đang phát triển; và (iv) tổ chức, thực hiện và quản lý các hoạt động phát triển ở các cấp: quốc gia, ngành/lĩnh vực, vùng/ địa phương, các tổ chức quốc tế và các tổ chức, đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế.

Chương trình đào tạo Kinh tế phát triển nhằm trang bị cho người học khả năng tư duy độc lập, dẫn dắt, phối hợp nhằm giải quyết vấn đề phát triển dựa trên bằng chứng và linh hoạt với sự thay đổi của môi trường quốc tế và trong nước. Từ đó, sinh viên có thể chủ động thích ứng với điều kiện làm việc của công dân toàn cầu: chuyên nghiệp, hiệu suất, trách nhiệm.

## 1.2. Mục tiêu cụ thể

- **Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:** Đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

### - **Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:**

Cử nhân ngành Kinh tế Phát triển có thể làm việc tại:

- Các đơn vị kinh tế (doanh nghiệp, tổ chức tài chính tín dụng, các đơn vị sự nghiệp công...) ở các vị trí quản lý điều hành, tham mưu hoạch định, chiến lược chính sách

- Các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương trong lĩnh vực quản lý kinh tế đặc biệt là các cơ quan làm việc trong môi trường quốc tế;

- Các tổ chức và đối tác phát triển (như WB, ADB, UN, FAO...);

- Các tổ chức phi chính phủ về phát triển (DIFID, SIDA, CIDA, OXFAM...);

- Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu kinh tế, giảng viên trong các trường đại học, nghiên cứu viên hoặc nhân viên tư vấn trong các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế;

**Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:** Cử nhân ngành kinh tế phát triển có khả năng học tập liên thông, chuyển đổi và phát triển ngành nghề rộng; có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học trong nước và quốc tế.

### - **Trình độ ngoại ngữ và tin học:**

Đạt trình độ về ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Kinh tế Quốc

## 2. CHUẨN ĐẦU RA

### 2.1. Kiến thức:

- Sinh viên có nhận thức, hiểu biết kiến thức cơ bản về lý luận chính trị CN Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng HCM và Đường lối cách mạng của Đảng CSVN, hiểu biết về pháp luật Việt Nam để từ đó ứng dụng vào học tập, nghiên cứu các môn học khác, vận dụng vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn.

- Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức toán kinh tế, xác suất thống kê, các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường và hạch toán kế toán vào giải thích và phân tích các hoạt động của nền kinh tế ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô

- Sinh viên có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.

- Sinh viên có kiến thức để phân tích được hoạt động của nền kinh tế ở cả cấp độ vĩ mô và vi mô

- Sinh viên có khả năng thể hiện sự hiểu biết và phân tích được quá trình phát triển của nền kinh tế; nắm bắt và phân tích được ảnh hưởng của môi trường kinh tế ở cả góc độ vĩ mô và vi mô tới quá trình phát triển của các quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng

- Sinh viên nắm vững khung phân tích tổng thể và tổ chức hoạt động phát triển; tổng hợp thành các vấn đề mang tính quy luật chi phối sự phát triển để giải thích các vấn đề phát triển.

- Sinh viên có khả năng lựa chọn và sử dụng các mô hình, công cụ phân tích đánh giá và hoạch định phát triển trong xây dựng bằng chứng và lựa chọn phương án tối ưu để quản lý các vấn đề phát triển.

## **2.2. Kỹ năng:**

- Sinh viên có khả năng tích hợp kiến thức, kỹ năng phân tích định tính và định lượng các vấn đề thực tiễn phát triển

- Sinh viên có kỹ năng lập, tổ chức thực hiện, theo dõi đánh giá chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chương trình - dự án phát triển

- Sinh viên có kỹ năng giao tiếp, đọc, viết, thuyết trình, trao đổi, phản biện các nội dung chuyên môn; có khả năng làm việc độc lập, khả năng thích ứng và kỹ năng làm việc nhóm.

## **2.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

- Sinh viên có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

- Sinh viên có khả năng chịu được áp lực công việc; Sáng tạo và có chính kiến; Biết lắng nghe và tư duy phản biện.

- Sinh viên có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có thái độ chuyên nghiệp, tự tin; có hiểu biết, tôn trọng và chấp hành nghiêm pháp luật Nhà nước. Biết tuân thủ quy tắc, quy định của cơ quan, tổ chức, địa phương

## **2.4. Về ngoại ngữ và tin học**

- Chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương IELTS 5.5 (được ban hành và công bố theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

- Chuẩn đầu ra tin học tương đương IC3 (Máy tính căn bản 650 điểm; Phần mềm máy tính 720 điểm; Kết nối trực tuyến 620 điểm) hoặc ICDL (phần cơ bản) (được ban hành và công bố theo Quyết định số 777/QĐ-ĐHKTQD ngày 05/6/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

**3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 127 tín chỉ**

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy

**5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo

**6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:** Đánh theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

**7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Kiến thức	Khối lượng (tín chỉ)	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương (không kể GDTC và GDQP):</b>	<b>43</b>	
1.1. Các học phần bắt buộc chung:	19	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần bắt buộc của Trường	12	Trường quy định bắt buộc
1.3. Các học phần bắt buộc của ngành	12	Khoa chọn từ tổ hợp của trường quy định
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:</b>	<b>84</b>	
<b>2.1 Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>12</b>	
<b>2.2. Kiến thức ngành:</b>	<b>44</b>	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	29	
2.2.2. Các học phần lựa chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu</b>	<b>18</b>	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
<b>2.4. Chuyên đề thực tập</b>	<b>10</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>127</b>	Không kể GDQP&AN và GDTC